TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 547/2024/HS-PT
Ngày: 10 - 7 - 2024

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 57/2024/TLPT-HS ngày 18/01/2024 đối với bị cáo Vũ Hoàng T. Do có kháng cáo của bị cáo Vũ Hoàng T, của Ngân hàng TMCP V1, Ngân hàng N7, bà Trần Thị Thúy V, ông Đỗ Khắc B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 576/2023/HSST ngày 08/12/2023 (được sửa chữa, bổ sung theo Thông báo số 1032/2023/TB-TA ngày 18/12/2023) của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

Vũ Hoàng T; giới tính: Nam; sinh ngày 07 tháng 8 năm 1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 45E khu phố B, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Vũ Văn T1 (sinh năm 1963) và bà An Thị Thu T2 (sinh năm 1963); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 5/5/2020 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo theo luật định: Luật sư Trần Thanh P - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP V1 (V2); Hội sở: H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ tại Thành phố Hồ Chí Minh: tầng 01, số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T3, Ông Trần Văn T4 (đều có mặt).

2. Ngân hàng N7 – Địa chỉ trụ sở: Số B Phố L, Quận B, Thành phố Hà Nội; Chi nhánh A2; Địa chỉ: 3 C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C (vắng mặt), Ông Trần Văn H (có mặt), Bà Trần Thị T5 (có mặt).

(Giấy ủy quyền số 1601/UQ-NHNo.AP-TH ngày 21/6/2024)

3. Bà Trần Thị Thúy V, sinh năm 1971, chỗ ở: 226 đường N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Thúy V: Luật sư Trần Bảo Q thuộc đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

4. Ông Đỗ Khắc B, sinh năm 1964 và ông Đỗ Khắc N, chỗ ở: F đường số B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (đều vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Khắc B: Luật sư Vũ Thị Thanh N1, thuộc Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: Công ty L6, số A N, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

(Trong vụ án còn có bị cáo Lê Thanh M, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017 - 2018, Vũ Hoàng T thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 (viết tắt Công ty Đ1); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314358501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp ngày 18/4/2017. Trụ sở tại địa chỉ: A đường N, khu phố P, phường T, Quận I (nay là Thành phố T), vốn điều lệ 3 tỷ đồng, Vũ Hoàng T đứng tên Giám đốc và người đại diện trước pháp luật. Công ty Đ1 có chức năng kinh doanh đầu tư bất động sản. Vũ Hoàng T còn thành lập

thêm Công ty Cổ phần Đ2 (viết tắt Công ty Đ2), địa chỉ: A đường N, khu phố P, phường T, Thành phố T.

Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại bằng thủ đoạn lập khống các dự án đất nền, sau đó quảng cáo bán nền đất cho các bị hại. Sau khi nhận tiền của các bị hại, Vũ Hoàng T dùng tiền của ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 03 thửa đất của các chủ sử dụng gồm: Thửa đất 1351, tờ bản đồ số 52, tại phường L, Thành phố T, diện tích đất 2.273,6 m^2 (trong đó đất ở 1.470,3 m^2, đất trồng cây lâu năm 803,3 m^2); Thửa đất số 520, tờ bản đồ số 13, tại phường L, Thành phố T, diện tích đất là 1.228 m^2 (đất trồng cây lâu năm); một phần Thửa đất số 752, tờ bản đồ 09 tại phường T, Thành phố T, diện tích 2.010 m^2 (trong đó đất ở là 1.878 m^2, đất vườn là 132m^2). Vũ Hoàng T không xin phép các cơ quan có thẩm quyền để được cấp phép lập dự án theo quy định pháp luật, tự lập bản vẽ phân lô thành nhiều nền đất có diện tích khác nhau, đặt tên: Dự án khu dân cư L, Dự án khu dân cư P và Dự án khu dân cư N; thuê Cơ sở in ấn T25 để in tờ rơi quảng cáo; thuê các công ty môi giới bất động sản gồm: Công ty Cổ phần Đ3 (địa chỉ: H đường N, phường B, Thành phố T); Công ty Trách nhiệm hữu hạn T26 (địa chỉ: E đường Đ, phường P, Thành phố T), để quảng cáo bán đất nền tại các dự án trên. Vũ Hoàng T sử dụng pháp nhân Công ty Đ1, Công ty Đ2 ký hợp đồng thỏa thuận đặt mua đất nền dự án với nhiều khách hàng. Sau khi ký hợp đồng và thu tiền, T chiếm đoạt toàn bộ số tiền của khách hàng để nhận chuyển nhượng 03 lô đất nêu trên. Khi các bị hại phát hiện bị T lừa đảo thì T đã có hành vi tẩu tán tài sản thực hiện việc chuyển nhượng các thửa đất (có được từ việc sử dụng tiền của các bị hại) cho các cá nhân khác, cụ thể:

1. Hành vi của Vũ Hoàng T, Lê Thanh M lừa đảo trong việc mua bán đất tại Dự án mang tên Khu dân cư N, chiếm đoạt số tiền 17.061.205.740 đồng của 14 cá nhân:

Từ tháng 4/2020 đến tháng 8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp nhận 12 đơn tố giác tội phạm có cùng nội dung: Vào đầu năm 2018, Vũ Hoàng T với chức danh Giám đốc đã sử dụng pháp nhân Công ty Đ1, quảng cáo về dự án Khu dân cư New City Lò Lu do Vũ Hoàng T tự phân thửa đất thành 25 nền có diện tích khác nhau để bán, đã có 22 cá nhân ký hợp đồng mua 24 nền đất tại dự án này. Trong đó có 12 cá nhân gửi đơn tố cáo T lừa đảo, theo đó có 14 hợp đồng đặt cọc mua nền đất đã ký có tổng trị giá theo hợp đồng 22.587.483.200 đồng, đã nộp cho T tổng số tiền 17.061.205.740 đồng. Đến thời hạn giao nền đất, Vũ Hoàng T không thực hiện được thỏa thuận trong hợp đồng. Qua tìm hiểu, các bị hại được biết Dự án khu dân cư N là không có thật, nên gửi

đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Hoàng T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ xác định: Ngày 17/01/2017, bà Huỳnh Thị L được Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05189 tại thửa đất có diện tích 3.692,2 m^2 (trong đó đất ở là 2.738 m^2, đất trồng cây lâu năm là 954,2 m^2) thuộc thửa số 752, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại phường T, Thành phố T (Quận I cũ).

Tháng 6/2017, bà Huỳnh Thị L chuyển nhượng (giấy tay) cho ông Trần Văn S một phần đất có diện tích 2.010 m^2 (trong đó đất ở là 1.878 m^2, đất vườn là 132m^2) với giá 12 tỷ đồng. Đến ngày 10/11/2017, ông S ký hợp đồng nhận cọc 8,2 tỷ đồng (giấy tay) của ông Nguyễn Văn C1 để chuyển nhượng 2.010 m^2 đất nêu trên cho ông C1 giá 22 tỷ đồng.

Ngày 02/6/2018, bà Huỳnh Thị L ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng một phần đất có diện tích 2.010 m^2 (trong đó đất ở là 1.878 m^2, đất vườn là 132m^2) thuộc thửa số 752, tờ bản đồ số 9, tại phường T, Thành phố T, cho ông Nguyễn Văn C1 và ông Trần Văn S, giá chuyển nhượng 21 tỷ đồng (hợp đồng được ký tại Văn phòng C4, địa chỉ: A đường N, phường L, Thành phố T).

Ngày 20/9/2018, ông Nguyễn Văn C1 ký hợp đồng Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng phần đất trên (giấy tay) cho Vũ Hoàng T với giá là 32 tỷ đồng, Vũ Hoàng T đã thanh toán số tiền 19,7 tỷ đồng cho ông Nguyễn Văn C1 (trong đó có số tiền 17.061.205.740 đồng đã chiếm đoạt của các bị hại).

Vũ Hoàng T đã sử dụng pháp nhân Công ty Đ1 (do T thành lập làm Giám đốc) tự đặt tên dự án Khu dân cư New City Lò L1 tại phần đất diện tích 2.010 m^2 (trong đó đất ở là 1.878 m^2, đất vườn là 132m^2) thuộc thửa số 752, tờ bản đồ số 9, tại phường T, Thành phố T và tự lập bản sơ đồ phân thửa đất thành 25 nền có diện tích khác nhau để bán, đã có 22 cá nhân ký hợp đồng mua 24 nền đất. Trong đó có 12 cá nhân gửi đơn tố cáo đã ký 14 hợp đồng đặt cọc mua nền đất của T có tổng trị giá theo hợp đồng 22.587.483.200 đồng, đã nộp tổng số tiền 17.061.205.740 đồng và bị T chiếm đoạt, cụ thể:

- 14 cá nhân có đơn tố cáo gồm: Ông Phạm Thanh Q1 bị chiếm đoạt số tiền 2.472.680.000 đồng, Lê Thanh H1 bị chiếm đoạt số tiền 1.123.928.000 đồng, Nguyễn Văn L2 và bà Nguyễn Thị Minh H2 (chung 01 hợp đồng) bị chiếm đoạt số tiền 971.490.000 đồng; Tạ Chí N2 bị chiếm đoạt số tiền 2.271.447.500 đồng; Trần Văn X và bà Trần Thị Tuyết M1 (chung 01 hợp đồng) bị chiếm đoạt số tiền 1.539.655.500 đồng; Đỗ Dương Kim B1 bị chiếm đoạt số tiền 1.600.000.000 đồng; Chu Quốc H3 đồng bị chiếm đoạt số tiền 1.465.128.000 đồng; Nguyễn

Hoàng A bị chiếm đoạt số tiền 992.431.440 đồng; Lê Thị Thúy L3 bị chiếm đoạt số tiền 1.185.012.800 đồng; Trịnh Xuân H4 bị chiếm đoạt số tiền 1.214.760.000 đồng; Đinh Vũ T6 bị chiếm đoạt số tiền 986.992.500 đồng và Lê Thị Tuấn H5 bị chiếm đoạt số tiền 1.237.680.000 đồng. Tất cả bị hại đều khai đã ký hợp đồng mua nền đất dự án N với Công ty Đ1 của T.

Những cá nhân có liên quan đến hành vi lừa đảo trên của Vũ Hoàng T gồm:

- Ông Lương Ngọc H6 là người in tờ rơi quảng cáo cho Công ty Đ1, khai: Hoàng thành lập hộ kinh doanh cá thể T27, địa chỉ: số G đường L, phường T, Thành phố T. Vào thời điểm tháng 10/2018, Vũ Hoàng T thuê in các tờ rơi, bảng hiệu, băng ron quảng cáo các dự án. H6 chỉ in theo nội dung do T soạn sẵn, in được khoảng 3 lần, giá tiền mỗi lần in từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. H6 không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, chỉ xuất hóa đơn bán lẻ, H6 không thực hiện việc mua bán nền đất với Vũ Hoàng T.

- Ông Đặng Như Ý (Giám đốc Công ty Đ3), khai: Vào tháng 7/2017, ông thành lập Công ty Đ3 và điều hành mọi hoạt động của công ty. Giữa năm 2018, Vũ Hoàng T gặp ông Ý và thỏa thuận ký hợp đồng môi giới bất động sản. Nội dung hợp đồng Công ty Đ1 và Công ty Đ2 giao cho Công ty Đ3 được quyền chào bán Dự án khu dân cư Long Phước River S1 và Dự án khu dân cư N, phí môi giới là 4% trên trị giá hợp đồng. Pháp lý của dự án do T cung cấp gồm: Bản photocopy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản vẽ phân lô, hợp đồng môi giới, phiếu đặt cọc, phụ lục bao tiêu sản phẩm, mẫu hợp đồng thỏa thuận đặt mua nền đất. Thực hiện hợp đồng, ông Ý thuê các nhân viên chào bán dự án cho ông Vũ Hoàng T. Tại Dự án khu dân cư N, ông Ý môi giới bán 12 lô cho các khách hàng ký hợp đồng đặt cọc, phí môi giới được T trả là 814.945.120 đồng, số tiền này được ông Ý chi trả lương cho nhân viên. Khi tư vấn cho khách hàng, các nhân viên của ông Ý giới thiệu dự án chưa được Cơ quan chức năng cấp phép, đang trong giai đoạn làm thủ tục xin phép, trong thời hạn 06 tháng sẽ ra được sổ, khách đồng ý thì ký phiếu đặt cọc, sau đó dẫn khách đến Công ty Đ1 và Công ty Đ2 để được tư vấn cụ thể và tiến hành ký hợp đồng, tiền khách hàng nộp trực tiếp cho Công ty Đ1 và Công ty Đ2.

- Đối với các cá nhân đã có ký hợp đồng chuyển nhượng nền đất với Vũ Hoàng T gồm: Phạm Danh H7, Trương Thị Mỹ T7, Đỗ Văn T8, Phạm Thị H8, Trương Minh H9, Nguyễn Phi N3, Vũ Thị Phương T9, Trần Văn N4, Huỳnh Đức T10, sau khi T không thực hiện hợp đồng, đến cuối tháng 11/2019 các cá nhân này đã có thỏa thuận với T nộp thêm tổng số tiền 12,3 tỷ đồng cho ông Trần Văn S. Sau đó Trần Văn S, ông Nguyễn Văn C1 và bà Huỳnh Thị L ký hủy hợp đồng đặt cọc (có công chứng). Bà Huỳnh Thị L ký hợp đồng (có Công

chứng) chuyển nhượng 2.010 m^2 đất nêu trên cho Vũ Hoàng T cùng bà Trương Thị Mỹ T7, Phạm Danh H7 (bà T7, H7 đại diện cho nhóm khách hàng đã nộp thêm tiền cho Trần Văn S). Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nêu xác định không bị T lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Bị cáo Lê Thanh M, khai nhận: M được Vũ Hoàng T tuyển dụng vào làm nhân viên kinh doanh, do thời điểm ông Phạm Thanh Q1 ký hợp đồng đặt cọc, Vũ Hoàng T không có mặt tại Công ty Đ1, Vũ Hoàng T chỉ đạo Lê Thanh M lấy danh nghĩa là Phó giám đốc để ký hợp đồng với ông Phạm Thanh Q1 để thu số tiền 1.235.000.000 đồng do ông Phạm Thanh Q1 nộp, M giao lại cho Vũ Hoàng T và không biết Vũ Hoàng T sử dụng như thế nào. M không được hưởng lợi gì.

Xác minh tại Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố T, kết quả: Ngày 17/01/2017, Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở gắn liền với đất số CE941116 (CH05189) cho bà Huỳnh Thị L, phần đất có diện tích 3.692,2m^2, thuộc thửa số 752, tờ bản đồ số 9. Bà Huỳnh Thị L hiện đang đứng tên chủ sở hữu, chưa sang nhượng hay tách thửa cho bất kỳ cá nhân nào. Trên địa bàn Quận I không có Dự án khu dân cư N.

2. Hành vi của Vũ Hoàng T, Lê Thanh M lừa đảo trong việc mua bán đất tại dự án mang tên Khu dân cư L, chiếm đoạt số tiền 15.142.207.081 đồng của 24 cá nhân:

Từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp nhận đơn tố giác tội phạm của 22 cá nhân có cùng nội dung: Vào đầu năm 2019, Vũ Hoàng T và Lê Thanh M sử dụng pháp nhân Công ty Đ2, quảng cáo chào bán đất nền dự án khu dân cư L do Công ty Đ2 làm chủ đầu tư. Vị trí dự án thuộc thửa đất số 1351, tờ bản đồ số 52, tọa lạc tại phường L, Thành phố T (Quận I cũ), đất nền có đầy đủ cơ sở hạ tầng gồm: đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, hệ thống thoát nước. Do tin tưởng dự án có thật, đã có 24 cá nhân ký 24 hợp đồng đặt cọc mua nền đất với Công ty Đ2, tổng trị giá các hợp đồng là 43.100.042.000 đồng. Các bị hại đã giao cho T số tiền tổng cộng 15.142.207.081 đồng. Đến thời hạn giao nền đất, Vũ Hoàng T và Lê Thanh M không thực hiện như nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Qua tìm hiểu mới biết dự án khu dân cư L không có thật, nên khách hàng gửi đơn tố cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Hoàng T và Lê Thanh M đến Cơ quan điều tra.

Kết quả điều tra, xác minh xác định:

Ngày 25/3/2019, bà Nguyễn Thị Bích L4 ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 1351, tờ bản đồ số 52, tọa lạc tại phường L, Thành phố T cho Vũ Hoàng T, giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng (hợp đồng chuyển nhượng được ký tại Văn phòng C5). Thực tế T đã dùng số tiền 15.142.207.081 đồng chiếm đoạt được của các bị hại để nhận chuyển nhượng đất của bà L4. Ngày 22/4/2019, Vũ Hoàng T được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T cập nhật đứng tên vào Giấy chứng nhận Quyền sử đất số 03115 QSDĐ/LP.

Vũ Hoàng Tú tự vẽ phân lô thửa đất thành 25 nền đất, có diện tích khác nhau, tự đặt tên là Dự án Long Phước R và sử dụng pháp nhân Công ty Đ2 (do T thành lập) để quảng cáo chào bán nền đất trong khu dự án. Thuê Công ty Đ3 và Công ty B5 chào bán trên các sàn giao dịch bất động sản. Từ đó có 24 cá nhân ký 22 hợp đồng thỏa thuận đặt mua đất nền dự án, trị giá hợp đồng 43.100.042.000 đồng, T đã chiếm đoạt số tiền 15.142.207.081 đồng của 24 cá nhân, cụ thể: Các ông, bà Phan Đình T11 bị chiếm đoạt số tiền 440.057.940 đồng, Huỳnh Trung H10 bị chiếm đoạt số tiền 524.750.000 đồng, Lưu Bảo Y bị chiếm đoạt số tiền 484.750.000 đồng; Nguyễn H11 bị chiếm đoạt số tiền 774.249.866 đồng; Võ Thị Như Y1 bị chiếm đoạt số tiền 672.817.000 đồng; Mai Thị H12 bị chiếm đoạt số tiền 484.750.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc X1 bị chiếm đoạt số tiền 462.165.923 đồng; Trương Nhật K bị chiếm đoạt số 620.349.478 đồng; Nguyễn Thị Kim P1 bị chiếm đoạt số tiền 1.027.383.000 đồng; Nguyễn Minh Q2 bị chiếm đoạt số tiền 523.421.000 đồng; Trương Văn H13 bị chiếm đoạt số tiền 532.584.019 đồng; Vũ Quang H14 bị chiếm đoạt số tiền 451.000.000 đồng; Lê Văn S2 bị chiếm đoạt số tiền 551.131.473 đồng; Nguyễn Văn B2 bị chiếm đoạt số tiền 468.820.362 đồng; Trịnh Xuân H4 bị chiếm đoạt số tiền 315.170.000 đồng; Trần Bửu T12 bị chiếm đoạt số tiền 543.941.943 đồng; Nguyễn Thị Bích C2 và Võ Thị Kim H15 (hùn chung 01 hợp đồng) mỗi người bị chiếm đoạt số tiền 495.129.600 đồng; Đinh Thị B3 bị chiếm đoạt số tiền 471.274.052 đồng; Đặng Thị Bích N5 bị chiếm đoạt số tiền 1.251.936.000 đồng; Lê Minh T13 bị chiếm đoạt số tiền 773.141.825 đồng; Doãn Thị T14 và Đào Thị T15 (hùn chung 1 hợp đồng) mỗi người bị chiếm đoạt số tiền 602.752.000 đồng; Đinh A1 T16 bị chiếm đoạt số tiền 1.482.750.000 đồng.

Ngày 05/11/2019, Vũ Hoàng T ký Hợp đồng ủy quyền cho Nguyễn Thanh T17 được quyền ký chuyển nhượng, cho, tặng thửa đất số 1351 (do Vũ Hoàng T đứng tên chủ sử dụng nêu trên). Ngày 09/01/2020, ông Nguyễn Thanh T17 ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Thúy V, hợp đồng được ký tại Văn phòng C6. Sau khi được cập nhật sang tên, ngày 20/5/2020 bà Trần Thị Thúy V đã thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng V2

để vay tiền. Hiện ngân hàng V2 đã khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức do bà V mất khả năng thanh toán (vụ án thụ lý theo thông báo số 592/TB-TLVA ngày 07/7/2022).

Những cá nhân có liên quan đến hành vi lừa đảo của Vũ Hoàng T tại dự án L gồm:

- Ông Đặng Như Ý (Giám đốc Công ty Đ3), khai nhận: Tại dự án L, ông Ý môi giới được 04 khách hàng ký hợp đồng đặt cọc mua nền đất dự án của T và được trả phí môi giới là 314.406.090 đồng. Tiền phí môi giới được ông Ý trả cho các nhân viên.

- Bà Quách Thục T18 (Giám đốc Công ty B5), khai nhận: Bà T18 thành lập Công ty và điều hành mọi hoạt động của công ty. Công ty có ký hợp đồng dịch vụ môi giới bán đất nền dự án L cho Công ty Đ2 của T. Thực hiện hợp đồng môi giới, bà T18 giới thiệu được 02 khách hàng là Đinh Anh T19, Đặng Thị Bích N5 và được T trả tiền phí môi giới 285.417.810 đồng. Bà T18 tư vấn cho khách hàng hiện trạng lô đất là đất nông nghiệp, đang lên thổ cư, xin thành lập dự án, khi ký hợp đồng trong vòng 06 thángsẽ ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên mua, khách hàng đồng ý mua nên bà T18 dẫn đến Công ty Đ2 để trực tiếp ký hợp đồng và nộp tiền. Bà T18 cam kết sẽ hoàn trả số tiền 285.417.810 đồng theo yêu cầu của Cơ quan tiến hành tố tụng.

- Bị cáo Lê Thanh M, khai nhận: M được Vũ Hoàng T tuyển dụng vào làm quản lý Công ty Đ2 với mức lương là 13.200.000 đồng/tháng, được T chỉ đạo lấy tư cách là Tổng giám đốc Công ty Đ2 ký 16 hợp đồng đặt cọc, thu tổng số tiền 12.592.149.182 đồng cho Vũ Hoàng T. T sử dụng tiền vào việc gì M không biết. M không được hưởng lợi gì ngoài tiền lương do Vũ Hoàng T thanh toán. M biết dự án do mình ký hợp đồng, thu tiền của khách hàng là vi phạm pháp luật, nhưng do tin tưởng Vũ Hoàng T nói sẽ xin được dự án, M đã ký các hợp đồng nhằm giúp sức cho Vũ Hoàng T chiếm đoạt tiền của khách hàng. Lê Thanh M đã giao nộp số tiền 60.000.000 đồng (là tiền lương do T trả) để khắc phục hậu quả cho các bị hại.

Kết quả xác minh tại các cơ quan:

- Xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H: Công ty Cổ phần Đ2 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313450159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp ngày 21/09/2015, Vũ Hoàng T đứng tên Giám đốc điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật từ ngày 17/12/2018, địa chỉ hoạt động kinh doanh tại nhà số : đường N, Khu phố P, phường T, Thành phố T. Công ty Đ2 có chức năng kinh doanh bất động sản.

- Xác minh Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T): Ủy ban nhân dân Quận I chưa tiếp nhận hồ sơ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân xin thành lập dự án tại thửa đất số 1351, tờ bản đồ số 52 tọa lạc tại phường L, Thành phố T.

3. Hành vi của Vũ Hoàng T lừa đảo trong việc mua bán đất tại Dự án mang tên Khu dân cư Phước Thiện R1, chiếm đoạt số tiền 6.688.789.300 đồng của 04 cá nhân:

Từ tháng 9/2020 đến tháng 3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp nhận 04 đơn tố giác tội phạm có cùng nội dung: đầu năm 2019, Vũ Hoàng T sử dụng pháp nhân Công ty Đ1, quảng cáo về Dự án mang tên khu dân cư Phước Thiện R1. Do tin tưởng dự án có thật, đã có 04 cá nhân ký 04 hợp đồng đặt cọc mua nền đất với Vũ Hoàng T, tổng trị giá hợp đồng 9.737.878.000 đồng, đã nộp tổng số tiền 6.688.789.300 đồng và bị Vũ Hoàng T lừa đảo chiếm đoạt.

- *Kết quả điều tra, xác định*:

Ngày 26/4/2019, bà Nguyễn Thị Thanh M2 cùng chồng là ông Đặng Thanh P2 ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 520, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại phường L, Thành phố T cho Vũ Hoàng T, giá chuyển nhượng 1.000.000.000 đồng (Hợp đồng chuyển nhượng ký tại Văn phòng C7 Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 09/5/2019, Vũ Hoàng T được Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố T cập nhật đứng tên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC512560. Vũ Hoàng Tú tự vẽ phân lô thửa đất thành 11 nền đất, có diện tích khác nhau, tự đặt tên là Dự án Phước Thiện R1, sử dụng pháp nhân Công ty Đ1, để quảng cáo, chào bán đất trong khu dự án. Từ đó có 04 cá nhân ký 04 hợp đồng thỏa thuận đặt mua đất nền với Công ty Đ1 của T với tổng trị giá hợp đồng 9.737.878.000 đồng, T đã thu tổng số tiền 6.688.789.300 đồng, cụ thể: Nguyễn Thị Thanh T20 bị chiếm đoạt số tiền 1.603.264.800 đồng, Nguyễn Ngọc C3 bị chiếm đoạt số tiền 1.536.788.500 đồng; Đặng Thị Bích T21 bị chiếm đoạt số tiền 1.654.044.000 đồng và Lê Minh T13 bị chiếm đoạt số tiền 1.894.692.000 đồng. Tất cả đều xác định, do có nhu cầu mua nền đất nên đã tìm hiểu về Dự án P do Công ty Đ1 làm chủ đầu tư. Sau khi ký hợp đồng và nộp tiền đã tìm hiểu dự án không có thật, nên đã làm đơn tố cáo Vũ Hoàng T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi ký hợp đồng bán nền, thu tiền của 04 khách hàng, Vũ Hoàng T đã dùng tiền của khách hàng vào việc nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị Thanh M2 cùng chồng là ông Đặng Thanh P2 nêu trên. Sau đó T ký hợp đồng chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích 1.228 m^2 đất thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại phường L, Thành phố T cho ông Đỗ Khắc N và ông Đỗ Khắc B, hợp đồng chuyển nhượng ký tại Văn phòng C8 (địa chỉ: 5 đường số Đ, phường

F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá thực tế 15.693.000.000 đồng (tuy nhiên giá chuyển nhượng ghi theo hợp đồng là 3.000.000.000 đồng) nhằm tẩu tán tài sản trốn tránh trách nhiệm với các khách hàng đã bị T chiếm đoạt tiền và dùng để chuyển nhượng đất. Ngày 28/8/2020 ông Đỗ Khắc N và ông Đỗ Khắc B đã thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng N7 chi nhánh A2 để đảm bảo cho khoảng vay 28 tỷ đồng của ông Nguyễn Văn L5.

- *Kết quả xác minh các các cơ quan*: Xác minh tại Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T), được biết: Ủy ban nhân dân QuậI chưa tiếp nhận hồ sơ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân xin thành lập dự án tại thửa đất số 520, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại phường L, Thành phố T. *Kết luận giám định chữ ký, chữ viết đã xác định*: Chữ ký đại diện Công ty Đ1 trên 02 hợp đồng kinh tế gửi giám định do bị can Vũ Hoàng T ký.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H áp dụng ngăn chặn tại 03 thửa đất có liên quan đến hành vi lừa đảo của Vũ Hoàng T:

1. Kê biên một phần thửa đất số 752, tờ bản đồ số 9, diện tích là 3.692,2m^2, tọa lạc tại phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở gắn liền với đất số CH05189 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 17/01/2017 do Huỳnh Thị L đứng tên chủ quyền, diện tích kê biên là 2.010 m^2.

2. Kê biên thửa đất số 1351, tờ bản đồ số 52, diện tích đất là 2.273,6 m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07142 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp ngày 30/8/2019, hiện do bà Trần Thị Thúy V đứng tên chủ quyền.

3. Kê biên toàn bộ thửa đất số 520, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.228m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00741 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp ngày 09/5/2019, hiện do ông Đỗ Khắc N và ông Đỗ Khắc B đứng tên chủ quyền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 576/2023/HSST ngày 08/12/2023 (được sửa chữa, bổ sung theo Thông báo số 1032/2023/TB-TA ngày 18/12/2023) của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Hoàng Tú T22 chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/11/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Vũ Hoàng T bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể sau:

1/ Ông Phạm Thanh Q1 2.472.680.000 (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ngàn) đồng;

2/ Ông Lê Thanh H1 1.123.928.000 (Một tỷ một trăm hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi tám ngàn) đồng;

3/ Ông Nguyễn Văn L2 485.745.000 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn)đồng;

4/ Bà Nguyễn Thị Minh H2 số tiền 485.745.000 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng;

5/ Ông Tạ Chí N2 2.271.447.500 (Hai tỷ hai trăm bảy mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm) đồng;

6/ Ông Trần Văn X số tiền 1.308.707.175 (Một tỷ ba trăm lẻ tám triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn một trăm bảy mươi lăm) đồng;

7/ Bà Trần Thị Tuyết M1 số tiền 230.948.325 (Hai trăm ba mươi triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn ba trăm hai mươi lăm) đồng;

8/ Ông Đỗ Dương Kim B1 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng;

9/ Ông Chu Quốc H3 1.465.128.000 (Một tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi tám ngàn) đồng;

10/ Bà Nguyễn Hoàng A 992.431.440 (Chín trăm chín mươi hai triệu bốn trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm bốn mươi) đồng;

11/ Bà Lê Thị Thúy L3 1.185.012.800 (Một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu không trăm mười hai ngàn tám trăm) đồng;

12/ Ông Trịnh Xuân H4 số tiền 1.529.930.000 (Một tỷ năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm ba mươi ngàn) đồng;

13/ Ông Đinh Vũ T6 986.992.500 (Chín trăm tám mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai ngàn năm trăm) đồng;

14/ Bà Lê Thị Tuấn H5 1.237.680.000 (Một tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn) đồng;

15/ Ông Phan Đình T11 530.057.940 (Năm trăm ba mươi triệu năm mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi) đồng;

16/ Ông Huỳnh Trung H10 524.750.000 (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng;

17/ Bà Lưu Bảo Y 484.750.000 (Bốn trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng;

18/ Ông Nguyễn H11 774.249.866 (Bảy trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi sáu) đồng;

19/ Bà Võ Thị Như Y1 672.817.000 (Sáu trăm bảy mươi hai triệu tám trăm mười bảy ngàn) đồng;

20/ Bà Mai Thị H12 484.750.000 (Bốn trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng;

21/ Bà Nguyễn Thị Ngọc X1 462.165.923 (Bốn trăm sáu mươi hai triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi ba) đồng;

22/ Ông Trương Nhật K 620.349.478 (Sáu trăm hai mươi triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng;

23/ Bà Nguyễn Thị Kim P1 1.027.383.000 (Một tỷ hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba ngàn) đồng;

24/ Ông Nguyễn Minh Q2 523.421.000 (Năm trăm hai mươi ba triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn) đồng;

25/ Ông Trương Văn H13 532.584.019 (Năm trăm ba mươi hai triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn mười chín) đồng;

26/ Ông Vũ Quang H14 451.000.000 (Bốn trăm năm mươi mốt triệu) đồng;

27/ Ông Lê Văn S2 551.131.473 (Năm trăm năm mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm bảy mươi ba) đồng;

28/ Ông Nguyễn Thanh B4 468.820.362 (Bốn trăm sáu mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn ba trăm sáu mươi hai) đồng;

29/ Ông Trần Bửu T12 543.941.943 (Năm trăm bốn mươi ba triệu chín trăm bốn mươi mốt ngàn chín trăm bốn mươi ba) đồng;

30/ Bà Nguyễn Thị Bích C2 495.129.600 đồng (bốn trăm chín mươi lăm triệu một trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm đồng);

31/ Bà Võ Thị Kim H15 495.129.600 đồng (bốn trăm chín mươi lăm triệu một trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm đồng);

32/ Bà Đinh Thị B3 471.274.052 (Bốn trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn năm mươi hai) đồng;

33/ Bà Đặng Thị Bích N5 1.251.936.000 (Một tỷ hai trăm năm mươi mốt triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn) đồng;

34/ Ông Lê Minh T13 2.667.833.825 (hai tỷ sáu trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm ba mươi ba ngàn tám trăm hai mươi lăm) đồng;

35/ Bà Doãn Thị T14 602.752.000 (Sáu trăm lẻ hai triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn) đồng;

36/ Đào Thị T15 602.752.000 (Sáu trăm lẻ hai triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn) đồng;

37/ Bà Đinh Anh T19 1.482.750.000 (Một tỷ bốn trăm tám mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng;

38/ Bà Nguyễn Thị Thanh T20 1.603.264.800 (Một tỷ sáu trăm lẻ ba triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm) đồng;

39/ Ông Nguyễn Ngọc C3 1.536.788.500 (Một tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn năm trăm) đồng;

40/ Bà Đặng Thị Bích T21 1.654.044.000 (Một tỷ sáu trăm năm mươi bốn triệu bốn mươi bốn ngàn) đồng.

- Buộc ông Đặng Như Ý giao nộp số tiền 1.129.351.210 (Một tỷ một trăm hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi mốt ngàn hai trăm mười) đồng, bà Q3 Thục Thu giao nộp số tiền 285.417.810 (Hai trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm mười bảy ngàn tám trăm mười) đồng, ông Trịnh Xuân H4 giao nộp số tiền 183.818.000 (Một trăm tám mươi ba triệu tám trăm mười tám ngàn) đồng để hoàn trả cho các bị hại và được khấu trừ vào số tiền Vũ Hoàng T phải bồi thường cho các bị hại như trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Vũ Hoàng T, ông Đặng Như Ý, bà Quán Thục T23, ông Trịnh Xuân H4 chưa thực hiện hết khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 66.000.000 đồng do Lê Thanh M tự nguyện giao nộp, để thi hành án bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại và được khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường của Vũ Hoàng T (Biên lai thu số AA/2021/0002761 ngày 29/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tiếp tục duy trì các Lệnh kê biên của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành số H đối với các thửa đất được xác định là vật chứng của vụ án để đảm bảo thi hành hành án gồm:

1. Kê biên một phần thửa đất số 752, tờ bản đồ số 9, diện tích là 3.692,2m^2, tọa lạc tại phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở gắn liền với đất số CH05189 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 17/01/2017 do Huỳnh Thị L đứng tên chủ quyền, diện tích kê biên là 2.010 m^2. (Theo Lệnh kê biên tài sản số 1205-082/LKB-PC03-Đ9 ngày 26/9/2022, Biên bản kê biên tài sản ngày 30/9/2022).

2. Kê biên thửa đất số 1351, tờ bản đồ số 52, diện tích đất là 2.273,6 m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07142 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp ngày 30/8/2019, hiện do bà Trần Thị Thúy V đứng tên chủ quyền. (Theo Lệnh kê biên tài sản số 1205-08/LKB-PC03-DD9 ngày 26/9/2022, Biên bản kê biên tài sản ngày 30/9/2022).

3. Kê biên toàn bộ thửa đất số 520, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.228m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00741 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp ngày 09/5/2019, hiện do ông Đỗ Khắc N và ông Đỗ Khắc B đứng tên chủ quyền. (Theo Lệnh kê biên tài sản số 1205-081/LKB-PC03-Đ9 ngày 26/9/2022, Biên bản kê biên tài sản ngày 30/9/2022).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của bị cáo Lê Thanh M, về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án theo quy định.

Ngày 14/12/2023 bị cáo Vũ Hoàng T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xem lại phần trách nhiệm dân sự; Ngân hàng TMCP V1 có đơn kháng cáo về phần xử lý tài sản thế chấp; ngày 18/12/2023 và ngày 22/12/2023 người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thúy V và ông Đỗ Khắc B kháng cáo phần kê biên tài sản; ngày 21/12/2023 Ngân hàng N7 kháng cáo phần xử lý tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bị cáo Vũ Hoàng T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử; bị cáo Vũ Hoàng T đồng ý bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo yêu cầu ; riêng đối với việc chuyển nhượng thửa đất số 1351, tờ bản đồ số

52, diện tích đất là 2.273,6 m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07142 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp ngày 30/8/2019 cho bà Trần Thị Thúy V là có sự đồng ý của các bị hại, có biên bản ngày 11/12/2019 kèm theo, bị cáo đã nhận tiền của bà V để trả cho các bị hại nhưng không nhớ tên cụ thể vì thời gian quá lâu. Đối với thửa đất số 520, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.228m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00741, bị cáo sử dụng tiền của các bị hại để mua, sau đó thế chấp Quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ4 - Chi nhánh T28 cho khoản vay thuộc đối tượng là nợ xấu của Ngân hàng B6. Do không trả được nợ nên thông qua việc giới thiệu của ông Tạ Quốc Đ, là Giám đốc phòng G – Chi Nhánh T, bị cáo đồng ý chuyển nhượng cho ông B, đây là tài sản mua bán đang thuộc sự quản lý của Ngân Hàng B6; tuy nhiên do các bị hại tố cáo nên bị cáo cùng với ông B thương lượng với các bị hại, ông B đã trả thêm tiền cho các bị hại và họ đã đồng ý không khiếu nại việc chuyển nhượng này.

Bị cáo khẳng định không có hành vi tẩu tán tài sản như bản án sơ thẩm đã quy kết, việc chuyển nhượng 2 thửa đất nêu trên đều có sự đồng ý cho phép chuyển nhượng của các bị hại, Công an Q4 có lập biên bản, công khai không phải bị cáo bí mật chuyển nhượng. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng T trình bày: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên xử, chỉ đề nghị xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ đó là bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đề nghị tách phần diện tích đất do T đứng tên cùng bà T7, ông H7 mua của bà L để khắc phục hậu quả, bị cáo không có hành vi tẩu tán tài sản. Việc bị cáo chuyển nhượng phần đất cho bà V và sử dụng tiền trả cho bị hại đó là tình tiết khắc phục hậu quả, cần áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

* Người đại diện theo ủy quyền của các ngân hàng V2, N7 và bà Trần Thị Thúy V, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 1205.08/LKB-PC03-DD9 ngày 26/9/2022 và Biên bản kê biên tài sản ngày 30/9/2022 kê biên thửa đất số 1351, tờ bản đồ số 52, diện tích đất là 2.273,6 m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07142 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp ngày 30/8/2019, hiện do bà Trần Thị

Thúy V đứng tên chủ quyền; Lệnh kê biên tài sản số 1205-081/LKB-PC03-Đ9 ngày 26/9/2022, Biên bản kê biên tài sản ngày 30/9/2022 kê biên toàn bộ thửa đất số 520, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.228m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00741 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp ngày 09/5/2019, hiện do ông Đỗ Khắc N và ông Đỗ Khắc B đứng tên chủ quyền để ưu tiên xử lý nợ cho các ngân hàng.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Thúy V trình bày: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V và ông T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận, bà V không biết việc tranh chấp giữa ông T với các bị hại. Bà V đã thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng V3 là đúng pháp luật, nên việc kê biên quyền sử dụng đất của cơ quan điều tra là không phù hợp pháp luật. Do vậy, đề nghị hủy bỏ kê biên quyền sử dụng đất của cơ quan điều tra.

* Ông Đỗ Khắc B vắng mặt, có Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cho ông B trình bày: tại thời điểm tháng 6 năm 2020 khi ông Đỗ Khắc B tham gia giao dịch mua diện tích đất 1.22m^2 tại thửa đất 520, tờ bản đồ 13 là mua tài sản hiện đang thế chấp cho khoản vay thuộc đối tượng là nợ xấu của Ngân hàng B6. Từ việc giới thiệu của ông Tạ Quốc Đ, là Giám đốc phòng G – Chi Nhánh T28, tài sản mua bán đang thuộc sự quản lý của Ngân Hàng B6 và Ngân hàng chịu trách nhiệm về tính pháp lý về tài sản cho vay, không có tranh chấp với ai, đối tượng giao dịch được đảm bảo qua Ngân hàng. Đồng thời thấy tài sản đứng tên ông Vũ Hoàng T (ngày 09/5/2019) trên giấy chứng nhận và đang được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ4 - Chi nhánh T28 cũng bằng xác nhận của Chi nhánh Văn phòng Đ5, đăng ký thế chấp ngày 24/06/2019…vì tin tưởng vào uy tín của Ngân hàng B6, tin tưởng vào sự xác nhận quyền sở hữu của cơ quan chức năng trên giấy chứng nhận nên ông Đỗ Khắc B mới yên tâm chuyển toàn bộ tiền vào tài khoản Ngân hàng B6 của ông Vũ Hoàng T, để Ngân hàng tất toán khoản vay và giải chấp tài sản để thực hiện việc công chứng, chuyển nhượng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Hoàng T: Quá trình truy tố, xét xử bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T22 chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T

không xuất trình chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về tội danh và hình phạt của bị cáo T.

Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa phúc thẩm, tình tiết bà Trần Thị Thúy V chuyển nhượng có sự đồng ý của các bị hại, vấn đề này chưa được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Về phía bị hại, họ đồng ý việc chuyển nhượng, có sự chứng kiến và sau khi chuyển nhượng được nhận lại tiền từ bị cáo T.

Xét thấy, ông Đỗ Khắc B và ông Đỗ Khắc N hoàn toàn ngay tình trong việc chuyển nhượng bất động sản, việc chuyển nhượng đã được cơ quan chuyên môn xác nhận, có đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản, thực tế chủ tài sản đang quản lý, sử dụng. Trước khi chuyển nhượng, ông B và ông N có liên hệ Công an Q4, Công an Thành phố H xem xét tính hợp pháp về thửa đất rồi mới thực hiện việc chuyển nhượng.

Tại trang 20 của bản án sơ thẩm nhận định hành vi của bị cáo T có dấu hiệu tẩu tán tài sản, đánh giá vật chứng của vụ án là chưa thỏa đáng. Bởi lẽ, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông B, bà V và bị cáo T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận, hành vi chuyển nhượng quyền sử dụng đất của T là nhằm mục đích trả nợ cho các bị hại, không phải là tẩu tán tài sản. Bà V, ông B đã thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng V3, N7 là đúng pháp luật, nên việc kê biên quyền sử dụng đất của cơ quan điều tra là không phù hợp pháp luật. Do đó, kháng cáo của Ngân hàng TMCP V1 và Ngân hàng N7, bà Trần Thị Thúy V và ông Đỗ Khắc B là có cơ sở. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng:

- Giải tỏa (Hủy bỏ) Lệnh kê biên tài sản số 1205/08/LKB-PC03-Đ9 ngày 26/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đối với tài sản là Thửa đất số 1351, tờ bản đồ số 52, diện tích đất là 2.273,6m^2, tọa lạc tại phường L, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 07142 do I (nay là thành phố T) cấp ngày 30/8/2019, hiện do bà Trần Thị Thúy V đứng tên chủ quyền (gọi tắt là Thửa đất số 1351*)*. Giao Thửa đất số 1351 cho Ngân hàng TMCP V1 xử lý theo Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với bà Trần Thị Thúy V.

- Giải tỏa (Hủy bỏ) Lệnh kê biên tài sản số 1205/081/LKB-PC03-Đ9 ngày 26/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đối với tài sản là Thửa đất số 520, tờ bản đồ số 13, diện tích đất là 1.228m^2, tọa lạc tại phường L, thành phố T theo Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 07142 do I (nay là thành phố T) cấp ngày 09/5/2019, hiện do ông

Đỗ Khắc N và ông Đỗ Khắc B đứng tên chủ quyền. Giao Thửa đất số 520 cho Ngân hàng N7 xử lý theo Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với ông Đỗ Khắc N và ông Đỗ Khắc B.

Trong phần tranh luận bị cáo đồng ý với bào chữa của Luật sư, không tranh luận gì thêm. Nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Hoàng T, Ngân hàng TMCP V1, Ngân hàng N7 và người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thúy V và ông Đỗ Khắc B trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Hoàng T:

Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Vũ Hoàng T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời trình bày của bị hại, người liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến tháng 4/2019, Vũ Hoàng T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại là những khách hàng mua đất nền tại các Dự án do T tự đặt ra (không có thật) gồm: Dự án khu dân cư L, Dự án khu dân cư P và Dự án khu dân cư New City Lò L1 tại Quận I (cũ) nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vũ Hoàng T đã tự lập bản vẽ các thửa đất tại vị trí tương ứng với 03 dự án tự đặt tên nêu trên thành nhiều nền đất có diện tích khác nhau, dưới dạng đất nền thổ cư; thuê in tờ rơi quảng cáo bán nền đất; ký hợp đồng thuê Công ty Đ3, Công ty B5 làm môi giới bán nền đất. T sử dụng pháp nhân Công ty Đ1 và Công ty Đ2 (đều do T thành lập điều hành hoạt động) ký hợp đồng thỏa thuận đặt mua đất nền tại các dự án với 40 cá nhân (trong đó có 08 cá nhân hùn mua chung), để nhận tiền và chiếm đoạt tổng số tiền 38.892.202.121 đồng.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, T có vai trò chủ mưu cầm đầu, trực tiếp chỉ đạo xuyên suốt toàn bộ hoạt động bán nền đất của Công ty Đ1 và Công ty Đ2 trong việc ký hợp đồng thỏa thuận đặt cọc bán đất nền thổ cư tại các dự án không có thật, để nhận tiền và sử dụng vào mục đích cá nhân. Bị cáo Vũ Hoàng T với sự giúp sức của bị cáo Lê Hoàng M3 chiếm đoạt số tiền số tiền 17.061.205.740 đồng của 14 cá nhân qua việc bán nền đất tại Dự án tự đặt tên là

Khu dân cư N; chiếm đoạt tổng số tiền 15.142.207.081 đồng của 24 cá nhân qua việc mua bán đất tại dự án tự đặt tên là Khu dân cư L; đảo chiếm đoạt của 04 cá nhân tổng số tiền 6.688.789.300 đồng, qua việc mua bán đất tại dự án tự đặt tên là Khu dân cư P. Tổng số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt là 38.892.202.121 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Vũ Hoàng T, Lê Thanh M phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan không sai. Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, vì vụ lợi cho cá nhân, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tác hại xấu đến trật tự an toàn của xã hội; bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã xem thường và bất chấp hậu quả xảy ra, cố ý phạm tội nên cần phải được xử lý nghiêm khắc.

Trong khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, do bị cáo T đã phạm tội 02 lần trở lên; áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Tuy nhiên, bị cáo có hành vi gian dối, chiếm đoạt tài sản có giá trị đặc biệt lớn, chiếm đoạt tiền của nhiều người, chưa thực hiện việc khắc phục hậu quả nên quyết định mức hình phạt chung thân đối với bị cáo là tương xứng với tính chất và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp các tài liệu, tình tiết giảm nhẹ nào khác để chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên phần hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của các Ngân hàng V2, N7, ông Đỗ Khắc B, bà Trần Thị Thúy V:

[3.1] Ngân hàng TMCP V1 (V3) và bà Trần Thị Thúy V kháng cáo đề nghị hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 1205/08/LKB-PC03-Đ9 ngày 26/9/2022 đối với tài sản là Thửa đất số 1351, tờ bản đồ số 52, diện tích đất là 2.273,6m^2, tọa lạc tại phường L, thành phố T theo Giấy CNQSDĐ số CH 07142 do I (nay là thành phố T) cấp ngày 30/8/2019, hiện do bà Trần Thị Thúy V đứng tên chủ quyền.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 05/11/2019, bị cáo Vũ Hoàng T ký Hợp đồng ủy quyền cho Nguyễn Thanh T17 được quyền ký chuyển nhượng, cho, tặng thửa đất số 1351 (do Vũ Hoàng T đứng tên chủ sử dụng nêu trên), T17 đã ký Hợp đồng chuyển nhượng với bà V. Tuy nhiên, do có sự khiếu nại của các bị hại đến Công an Q4, nên hợp đồng chưa thể thực hiện. Ngày 11/12/2019 và ngày 19/01/2020, bị cáo T và các ông, bà (bị hại trong vụ án) gồm 20/22 người, trong đó có các ông, bà Đinh Thị B3, Doãn Thị T14, Võ Thị Như Y1, Nguyễn

Minh Q2, Trần Bửu T12, Đặng Thị Bích N5…đã ký Biên bản thỏa thuận có nội dung đồng ý cho T và ông Nguyễn Thanh T17 ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Thúy V (BL 1687, 1688). Hợp đồng chuyển nhượng đất được ký tại Văn phòng C6; bà V đã thanh toán đủ tiền 22.500.000.000 đồng cho T và các bị hại, CQĐT công an Q4 đã có văn bản trả lời là không có dấu hiệu hình sự…Sau khi được cập nhật sang tên, ngày 20/5/2020 bà Trần Thị Thúy V đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 1351 cho ngân hàng V2 để vay tiền, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 19/5/2020, công chứng số 01226 quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C6, Thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/5/2020 tại Chi nhánh Văn phòng Đ5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, tại Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, các bị hại Lê Minh T13, Huỳnh Trung H10, Lưu Bảo Y, N5, T14, T15 khai nhận tại Công an Q4 vào ngày 8/3/2020 các ông bà nói trên đã đồng ý cho bị cáo Vũ Hoàng T bán thửa đất nói trên cho bà Trần Thị Thúy V để lấy tiền trả lại cho các bị hại. Kết luận điều tra bổ sung số 643-29/BKL-ĐTBS ngày 19/4/2023 khẳng định đây là hợp đồng quan hệ dân sự hợp pháp, đề nghị Tòa án xem xét bảo đảm quyền lợi cho ngân hàng (BL 1643-1645).

Như vậy, có thể khẳng định không có việc bị cáo Vũ Hoàng T bán thửa đất nói trên nhằm mục đích tẩu tán tài sản như bản án sơ thẩm đã nhận định. Thửa đất 1351 không phải là vật chứng trong vụ án, bởi vì hành vi của T lừa các bị hại để nhằm mục đích là chiếm đoạt tiền và T đã chiếm đoạt được tiền của các bị hại, thửa đất số 1351 chỉ là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của T, chứ không thể là vật chứng trong vụ án này, không thể kê biên để đảm bảo thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật nên chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thúy V và Ngân hàng V2 về việc sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 1205-08/LKB-PC03-DD9 ngày 26/9/2022, Biên bản kê biên tài sản ngày 30/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đối với thửa đất số 1351, tờ bản đồ số 52, diện tích đất là 2.273,6 m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07142 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp ngày 30/8/2019, hiện do bà Trần Thị Thúy V đứng tên chủ quyền.

[3.2] Ngân hàng N7 (N7) và ông Đỗ Khắc B kháng cáo đề nghị hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 1205/081/LKB-PC03-Đ9 ngày 26/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đối với tài sản là thửa đất số 520, tờ bản đồ số 13, diện tích đất là 1.228m^2, tọa lạc tại phường L, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số CH 07142 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) cấp ngày 09/5/2019, hiện do ông Đỗ Khắc N và ông Đỗ Khắc B đứng tên chủ quyền.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 26/4/2019, tại Văn phòng C7 Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Thanh M2 cùng chồng là ông Đặng Thanh P2 ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 520 cho Vũ Hoàng T,. Sau đó, Vũ Hoàng T đã thế chấp thửa đất này cho Ngân hàng B6 Chi nhánh T28 để vay số tiền 15.693.000.000 đồng. Do không trả được nợ nên Ngân hàng B6 yêu cầu T chuyển nhượng thửa đất số 520 cho ông Đỗ Khắc B và Đỗ Khắc N, các bên đã thanh toán và chuyển tiền cho B6 ngày 22/6/2020 và ký giải chấp và xóa nội dung đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ5, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/6/2020. Tuy nhiên, do T còn nợ tiền của các bị hại khác nên bị tố cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q4, ông B đã trực tiếp thương lượng và trả tiền thay cho T cho các ông, bà N4, Q2, T24, đến ngày 22/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q4 có văn bản không ngăn chặn việc chuyển nhượng và ông B được Chi nhánh Văn phòng Đ5, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật biến động ngày 11/8/2020.

Ngày 28/8/2020 và ngày 19/5/2021, Ngân hàng N7 cùng với ông Đỗ Khắc B và Đỗ Khắc N đã ký kết Hợp đồng thế chấp *Thửa đất số 520,* theo Hợp đồng thế chấp số 1606-LCP-202000569 ngày 28/8/2020, số Công chứng 003200, quyển số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/8/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn N6 và số Công chứng 002270, quyển số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/5/2021 tại Văn phòng C9; Nghĩa vụ được bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 1606-LAV-202000553, đảm bảo cho số tiền vay 28.000.000.000đồng.

Xét thấy, hành vi của T lừa các bị hại để nhằm mục đích là chiếm đoạt tiền và T đã chiếm đoạt được tiền của các bị hại. Sau đó bị cáo T mua đất của bà M2, ông P2, thế chấp thửa đất để vay tiền tại Ngân hàng B6, do không trả được nợ vay nên thông qua Ngân hàng B6, T đã chuyển nhượng cho ông B, ông N6 và có sự đồng ý của các bị hại. Như vậy, giao dịch nói trên là hoàn toàn hợp pháp và được các cơ quan chức năng thẩm tra, thẩm định và cho phép giao dịch. Vì vậy, thửa đất số 520 chỉ là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của T, chứ không thể là vật chứng trong vụ án này, không thể kê biên để đảm bảo thi hành án, đồng thời bị cáo T không có hành vi chuyển nhượng quyền sử dụng đất để tẩu tán tài sản như bản án sơ thẩm đã nhận định.

Tại Bản kết luận điều tra bổ sung số 643-23/BKL-ĐTBS ngày 10/10/2023 của Công an Thành phố H đã khẳng định lại về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đối với thửa đất 520, tờ bản đồ số 13 toạ lạc tại phường L, Thành phố T.

Ngày 28/08/2020, ông Đỗ Khắc B và ông Đỗ Khắc N giao cho ông Nguyễn Văn L5 để ký hợp đồng tín dụng thế chấp vay số tiền 28 tỷ tại Ngân hàng N7 - chi nhánh A2 đây là hợp đồng quan hệ dân sự hợp pháp. Đề nghị Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng đối với tài sản thế chấp nêu trên.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy ông Đỗ Khắc B và ông Đỗ Khắc N hoàn toàn ngay tình trong việc chuyển nhượng bất động sản, việc chuyển nhượng đã được cơ quan chuyên môn xác nhận, có đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản, thực tế chủ tài sản đang quản lý, sử dụng. Trước khi chuyển nhượng, ông B và ông N có liên hệ Công an Q4, Công an Thành phố H xem xét tính hợp pháp về thửa đất rồi mới thực hiện việc chuyển nhượng. Từ đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Khắc B và Ngân hàng N7, huỷ bỏ lệnh kê biên đối với toàn bộ thửa đất 520, tờ bản đồ 13, diện tích 1.228m^2 toạ lạc tại phường L, thành phố T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00741 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) cấp ngày 09/05/2019.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Hoàng T, chấp nhận kháng cáo của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan gồm Ngân hàng TMCP V1, Ngân hàng N7, bà Trần Thị Thúy V, ông Đỗ Khắc B, sửa một phần bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí phúc thẩm :

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Vũ Hoàng T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định pháp luật.

Do kháng cáo được chấp nhận nên những người có quyền, nghĩa vụ liên quan gồm Ngân hàng TMCP V1, Ngân hàng N7, bà Trần Thị Thúy V, ông Đỗ Khắc B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Vũ Hoàng T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 576/2023/HSST ngày 08/12/2023 (được sửa chữa, bổ sung theo Thông báo số 1032/2023/TB-TA ngày 18/12/2023) của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo Vũ Hoàng T.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP V1, Ngân hàng N7 và người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thúy V và ông Đỗ Khắc B. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 576/2023/HSST ngày 08/12/2023 (được sửa chữa, bổ sung theo Thông báo số 1032/2023/TB-TA ngày 18/12/2023) của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về biện pháp tư pháp.

Tuyên xử:

1/. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Hoàng T : Tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/11/2020.

2/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Về xử lý vật chứng:

3.1/. Tiếp tục kê biên một phần thửa đất số 752, tờ bản đồ số 9, diện tích là 3.692,2m^2, tọa lạc tại phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở gắn liền với đất số CH05189 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 17/01/2017 do Huỳnh Thị L đứng tên chủ quyền, diện tích kê biên là 2.010 m^2. (Theo Lệnh kê biên tài sản số 1205-082/LKB-PC03-Đ9 ngày 26/9/2022, Biên bản kê biên tài sản ngày 30/9/2022).

3.2/. Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 1205-08/LKB-PC03-DD9 ngày 26/9/2022, Biên bản kê biên tài sản ngày 30/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đối với thửa đất số 1351, tờ bản đồ số 52, diện tích đất là 2.273,6 m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07142 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp ngày 30/8/2019, hiện do bà Trần Thị Thúy V đứng tên chủ quyền.

3.3/. Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 1205-081/LKB-PC03-Đ9 ngày 26/9/2022, Biên bản kê biên tài sản ngày 30/9/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đối với thửa đất số 520, tờ bản đồ số 13, diện tích

1.228m^2, tọa lạc tại phường L, Thành phố T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00741 do Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Thành phố T) cấp ngày 09/5/2019, hiện do ông Đỗ Khắc N và ông Đỗ Khắc B đứng tên chủ quyền.

4/. Án phí phúc thẩm:

4.1/ Bị cáo Vũ Hoàng T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4.2/ Ngân hàng TMCP V1, Ngân hàng N7, bà Trần Thị Thúy V và ông Đỗ Khắc B không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Hoàn trả cho ông Đỗ Khắc B số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0001284 ngày 17/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Thúy V số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0001261 ngày 26/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0001321 ngày 28/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả cho Ngân hàng N7 số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0031525 ngày 04/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thọ **Trần Thị Thúy Hồng** **Nguyễn Đắc Minh**